



小学二年级第一学期 练习题四

姓名: _____ 班级: _____ 日期: _____

xiè xiè
谢谢

duì bu qǐ
对不起

nǐ hǎo
你好

zǎo ān
早安

zài jiàn
再见

wǔ ān
午安

1、

nǐ hǎo
你好



2、

shēng rì kuài lè
生日快乐



3、

lǎo shī zǎo ān
老师早安



4、

méi guān xi
没关系



5、



6、

